

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Bà Trần Việt Hồng Phương

2/- Bà Trần Thị Quế Minh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi tạm trú: Hẻm B, Khu phố B, Phường B, Thị Xã T, Bình Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 4/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh N do quen biết nên tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau vào năm 2012, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã B, Huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cự cãi, lối sống không hợp, tính

tình không hợp, nhiều lần ly thân sau đó hàn gắn lại nhưng cũng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 22/11/2013. Hiện cháu M đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và T do quen biết trước nên tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau vào năm 2012, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã B. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cự cãi lúc nóng giận có đánh vợ, anh cũng có chơi đánh bài lúc rảnh rỗi và đã sống ly thân khoảng hơn 1 năm nay. Do còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu vợ anh giao con lại cho anh nuôi thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 22/11/2013. Hiện cháu M đang sống với vợ. Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bé T, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành N; Chị T được tiếp tục nuôi con chung, anh N không phải cấp dưỡng; Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:**

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Thành N chung sống với nhau vào năm 2012 hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã B, Huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh N chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi, lối sống và tính tình không hợp, nhiều lần ly thân sau đó hàn gắn lại nhưng

không có hạnh phúc; Về phía anh N thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, hay cứ cái lúc nóng giận có đánh vợ, anh cũng có chơi đánh bài lúc rảnh rỗi và đã sống ly thân khoản hơn 1 năm nay, do còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn. Song suốt thời gian ly thân anh cũng không có tạo điều kiện để hàn gắn lại quan hệ tình cảm, tại phiên tòa anh trình bày nếu chị T giao con cho anh nuôi thì anh đồng ý ly hôn, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn; Qua xác minh mâu thuẫn khả năng hàn gắn là không có, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 22/11/2013. Hiện cháu M đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu M sống với chị T cuộc sống tạm ổn định; Xét nghĩ không nên làm xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu Ngọc M và tại bản biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2020 và tại phiên tòa cháu M có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó nghĩ nên để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bé T.

Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Thành N. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 178/2014 ngày 19/11/2014 của Ủy ban nhân dân Xã B, Huyện C, Tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Bé T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 22/11/2013. Anh Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui thăm con chung cho anh N.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006919 ngày 21/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Thành N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phan Thị Kim Hoa**